

ĐẠI HỌC HUẾ  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT



NGUYỄN ĐỨC ĐỒNG

**PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG  
QUA THỰC TIỄN TẠI CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT,  
KINH DOANH Ở TỈNH QUẢNG BÌNH**

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 838 01 07

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

THỪA THIÊN HUẾ, năm 2018

Công trình được hoàn thành tại:  
**Trường Đại học Luật, Đại học Huế**

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS. Nguyễn Duy Phương**

Phản biện 1: .....

Phản biện 2: .....

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ họp  
tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng ..... năm.....

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU</b> .....	1
1. Tính cấp thiết của đề tài .....	1
2. Tình hình nghiên cứu .....	2
3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu .....	3
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	3
5. Phương pháp nghiên cứu.....	3
6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài.....	4
7. Kết cấu Đề tài .....	5
<b>Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÁP LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TẠI CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH</b> .....	5
1.1. Khái quát chung về bảo vệ môi trường và pháp luật bảo vệ môi trường....	5
1.1.1. Khái niệm môi trường và bảo vệ môi trường .....	5
1.1.2. Khái niệm pháp luật bảo vệ môi trường .....	5
1.2. Sự cần thiết phải bảo vệ môi trường trong các cơ sở sản xuất, kinh doanh.....	5
1.3. Nội dung pháp luật về bảo vệ môi trường trong các cơ sở sản xuất, kinh doanh	
1.4. Các yếu tố đảm bảo đến việc thực hiện bảo vệ môi trường tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh .....	
<b>Chương 2. THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TẠI CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH</b> .....	10
2.1. Tình hình thực hiện pháp luật về môi trường trong các cơ sở sản xuất, kinh doanh tại tỉnh Quảng Bình .....	10
2.1.1. Việc thực hiện trách nhiệm quản lý Nhà nước về BVMT .....	10
2.1.2. Việc thực thi pháp luật của các cơ sở sản xuất, kinh doanh.....	18
2.1.2.1. Việc thực thi pháp luật, quản lý môi trường của các doanh nghiệp....	18
2.1.2.2. Việc thực thi pháp luật, quản lý môi trường của khu Kinh tế.....	19
2.1.2.3. Việc thực thi pháp luật, quản lý môi trường đô thị, nông thôn, khu dân cư.....	19
2.2. Những tồn tại và hạn chế trong việc thực hiện pháp luật bảo vệ môi trường tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh ở tỉnh Quảng Bình .....	19
2.2.1. Về việc thực hiện trách nhiệm quản lý Nhà nước về BVMT .....	19
2.2.2. Về việc thực thi pháp luật của các cơ sở sản xuất, kinh doanh .....	20
<b>Chương 3. ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG</b> .....	21
3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả pháp luật về bảo vệ môi trường trong các cơ sở sản xuất, kinh doanh tại tỉnh	

<b>Quảng Bình.....</b>	<b>18</b>
<b>3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường trong các cơ sở sản xuất, kinh doanh tại tỉnh Quảng Bình .....</b>	<b>21</b>
3.2.1. Hoàn thiện các quy định pháp luật về đánh giá môi trường .....	21
3.2.2. Hoàn thiện các qui định pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường .....	23
3.2.3. Hoàn thiện các qui định pháp luật về bảo tồn đa dạng sinh học và bảo vệ các nguồn tài nguyên thiên nhiên.....	23
3.2.4. Hoàn thiện các qui định của pháp luật về xử lý vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường .....	24
<b>3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường trong các cơ sở sản xuất, kinh doanh tại tỉnh Quảng Bình .....</b>	<b>26</b>
3.3.1. Giải pháp về cơ cấu tổ chức quản lý môi trường, nguồn lực con người, tăng cường sự tham gia của cộng đồng BVMT.....	26
3.3.2. Giải pháp về mặt chính sách, thể chế, luật pháp liên quan lĩnh vực BVMT .....	27
3.3.3. Giải pháp về mặt tài chính, đầu tư cho BVMT .....	28
3.3.4. Vấn đề tăng cường các hoạt động giám sát chất lượng, quan trắc và cảnh báo ô nhiễm môi trường.....	28
3.3.5. Các giải pháp về quy hoạch phát triển.....	28
3.3.6. Các giải pháp về công nghệ và kỹ thuật .....	29
3.3.7. Các giải pháp về tăng cường sự tham gia của cộng đồng BVMT ....	29
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>30</b>

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Bảo vệ môi trường đang là mối quan tâm mang tính toàn cầu, đã và đang trở thành một trong những vấn đề được quan tâm nhất và cũng là một trong những thách thức lớn nhất của nhân loại. Vấn đề nóng bỏng, gây bức xúc trong dư luận xã hội cả nước hiện nay là tình trạng ô nhiễm môi trường sinh thái do các hoạt động sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt của con người gây ra. Vấn đề này ngày càng trầm trọng, đe dọa trực tiếp sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững, sự tồn tại, phát triển của các thế hệ hiện tại và tương lai. Giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay không chỉ là đòi hỏi cấp thiết đối với các cấp quản lý, các doanh nghiệp mà đó còn là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và của toàn xã hội.

Các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường vẫn diễn ra phổ biến với tính chất và mức độ rất đa dạng. Việc xây dựng pháp luật về bảo vệ môi trường còn chậm so với tốc độ phát triển xã hội nói chung và các mối quan hệ xã hội cần điều chỉnh trong lĩnh vực môi trường nói riêng. Việc tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường thực hiện chưa nghiêm, hiệu quả chưa cao. Thực trạng ô nhiễm và suy thoái môi trường ở nước ta hiện nay do nhiều nguyên nhân khác nhau trong đó có lý do từ chính bản thân hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường còn những bất cập, hạn chế nhất định rất cần được nghiên cứu, xây dựng cho hoàn thiện hơn.

Quảng Bình là tỉnh ven biển Bắc Trung bộ Việt Nam với diện tích tự nhiên 8.065,27km<sup>2</sup>, dân số 872.925 người; có bờ biển dài 116,04km ở phía Đông, có vịnh và cảng Hòn La, cảng Gianh, cảng Nhật Lệ; chung biên giới với nước cộng hòa dân chủ nhân dân Lào 201,87km ở phía Tây, phía Bắc tiếp giáp tỉnh Hà Tĩnh với chiều dài địa giới 136,5km, phía Nam giáp tỉnh Quảng Trị với địa giới 78,8km. Theo thống kê của các ngành chức năng, đến 11/2017 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình hiện có 5.197 doanh nghiệp, với tổng số vốn đăng ký là 27.701 tỷ đồng.

Những năm qua, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển nhanh qua từng thời kỳ. Trong đó, lĩnh vực công nghiệp mở rộng sản xuất nhiều ngành nghề và duy trì được tốc độ tăng trưởng, như: ngành chế biến thực phẩm; sản xuất trang phục; chế biến dăm gỗ; sản xuất xi măng; Bia; vật liệu xây dựng và khai thác quặng kim loại: đá vôi, gạch xây; bê tông tươi, quặng Inmenit, quặng Zincol, rutin; lĩnh vực dịch vụ phát triển đa dạng trên các mặt của đời sống xã hội; lĩnh vực sản xuất nông nghiệp có bước chuyển biến tích cực, nhiều mô hình sản về trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản thành công đã góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu cây trồng theo hướng sản xuất hàng hóa nông sản chất lượng cao. Tuy nhiên, quá trình phát triển kinh tế đã đưa tỉnh Quảng Bình đối mặt với nhiều thách thức trong công tác bảo vệ môi trường: tình trạng khai thác trái phép khoáng sản, đất san lấp vẫn xảy ra ở nhiều nơi; ô nhiễm rác thải sinh hoạt ở nông thôn chưa được khắc phục, nguy cơ ô nhiễm môi trường tại các

Khu Công nghiệp, làng nghề. Bên cạnh đó, sự suy giảm tầng ozon, hiện tượng nóng lên toàn cầu, biến đổi khí hậu đã tác động không nhỏ đến Quảng Bình.

Vì vậy, việc phòng ngừa, đề ra giải pháp mang tính chính sách, pháp chế tạo hành lang thông thoáng, thuận lợi trong việc chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường, đồng thời thúc đẩy được quá trình phát triển kinh tế tại các địa phương trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay là nhu cầu bức thiết. Do đó, **“Pháp luật về bảo vệ môi trường qua thực tiễn tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh ở tỉnh Quảng Bình”** ” là đề tài sẽ góp phần củng cố và hoàn thiện pháp luật về bảo vệ môi trường toàn diện, đồng bộ và phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Bình nói riêng và cả nước nói chung .

## **2. Tình hình nghiên cứu**

Ở Việt Nam, vấn đề thực thi pháp luật nói chung và thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường trên từng lĩnh vực cụ thể của đời sống xã hội đã được Đảng và Nhà nước và đặc biệt là các nhà khoa học, những người làm công tác lý luận đặc biệt quan tâm nghiên cứu ở nhiều khía cạnh, góc độ khác nhau. Để nghiên cứu về vấn đề pháp luật về bảo vệ môi trường qua thực tiễn áp dụng tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, tác giả đã tham khảo các đề tài nghiên cứu về bảo vệ môi trường từ đó tìm ra những điểm riêng của pháp luật về bảo vệ môi trường. Nghiên cứu về vấn đề pháp luật bảo vệ môi trường thời gian qua có một số luận văn và công trình nghiên cứu sau:

- “Quản lý nhà nước bằng pháp luật về môi trường” của Nguyễn Duy Hà [(2008), Luận văn thạc sĩ Luật học, Học Viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội], đã làm sáng tỏ vấn đề Quản lý nhà nước bằng pháp luật về môi trường, một lĩnh vực còn mới so với các lĩnh vực khác; nêu kết quả, hạn chế; đề xuất các giải pháp thực hiện ở Bình Thuận trong thời gian tới.

- “ Pháp luật về bảo vệ môi trường biển qua thực tiễn thi hành tại Thừa Thiên Huế” của Phạm Thị Hồng Oanh [(2015), Luận văn thạc sĩ Luật Kinh tế, Đại học Luật - Đại học Huế], đã phân tích, đánh giá thực trạng, nâng cao nhận thức, trách nhiệm BVMT biển ở tỉnh Thừa Thiên Huế và đưa ra một số giải pháp

- “Pháp luật về bảo vệ môi trường không khí Việt Nam hiện nay” của Đoàn Thị Thùy Dương [(2017), Luận văn Thạc sĩ Luật học, khoa luật – Đại học quốc gia Hà Nội], đã đánh giá thực trạng môi trường không khí ở Việt Nam. Nêu những kết quả đạt được; những mặt hạn chế; chỉ ra nguyên nhân đồng thời đề xuất các giải pháp quản lý nhà nước bằng pháp luật về bảo vệ môi trường ở Việt Nam trong thời gian tới.

Các công trình trên đã đưa ra được nhiều giải pháp để bảo vệ môi trường, giải quyết được cơ sở lý luận và vấn đề thực tiễn đặt ra trong mối quan hệ biện chứng giữa phát triển kinh tế đi đôi với bảo vệ môi trường, nhưng các công trình này thường nghiên cứu ở tầm quốc gia, địa phương khác, chưa có công trình nào nghiên cứu đề cập đến vấn đề thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường

mang tính tổng thể trên địa bàn tỉnh Quảng Bình. Vì vậy, luận văn là công trình nghiên cứu khoa học đầu tiên tập trung vào phân tích thực trạng pháp luật bảo vệ môi trường qua thực tiễn tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh ở Quảng Bình và đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật bảo vệ môi trường trong thời gian tới.

Đề tài “**Pháp luật về bảo vệ môi trường qua thực tiễn tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh ở tỉnh Quảng Bình**” của tác giả tập trung nghiên cứu những vấn đề các mang tính chất hẹp hơn, sâu hơn tại một địa bàn cụ thể. Do đó, đây là một đề tài mang tính mới mẻ, đánh giá đúng thực trạng ở thời điểm hiện tại và không có sự trùng lặp.

### **3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu**

#### **3.1. Mục đích**

- Đề tài nhằm phân tích cơ sở lý luận về pháp luật về bảo vệ môi trường qua thực tiễn tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh ở tỉnh Quảng Bình
- Nghiên cứu làm rõ và đánh giá thực trạng thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường qua thực tiễn tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh ở tỉnh Quảng Bình
- Đề xuất biện pháp tăng cường tổ chức thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường qua thực tiễn tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh ở tỉnh Quảng Bình

#### **3.2. Nhiệm vụ**

Luận văn có nhiệm vụ giải quyết những vấn đề sau:

- Phân tích những vấn đề lý luận cơ bản pháp luật về bảo vệ môi trường.
- Phân tích, đánh giá các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về bảo vệ môi trường.
- Đánh giá tình hình thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Quảng Bình thời gian qua.
- Đề ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả của việc áp dụng biện pháp hành chính nhằm bảo vệ bảo vệ môi trường.

### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

#### **4.1 Đối tượng nghiên cứu**

Đề tài tập trung chủ yếu vào những pháp luật hiện hành và thực tiễn pháp luật về bảo vệ môi trường liên quan đến các cơ sở sản xuất, kinh doanh có phát sinh khả năng gây ô nhiễm môi trường.

#### **4.2 Phạm vi nghiên cứu**

- Phạm vi về không gian: Nghiên cứu vấn đề bảo vệ môi trường tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh ở tỉnh Quảng Bình
- Phạm vi về thời gian: từ năm 2013 đến năm 2017.

### **5. Phương pháp nghiên cứu**

#### **5.1. Phương pháp luận**

Luận văn dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác- Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Quan điểm của đảng cộng sản Việt Nam, kết hợp các yêu cầu bảo vệ môi trường, phát triển bền vững thể hiện trong các chủ trương, định hướng, chính sách phát triển bền vững, ứng phó với biến đổi khí hậu của Đảng và pháp luật của Nhà nước với sự cụ thể hóa và tổ chức thực hiện pháp luật ở cấp địa phương.

## **5.2. Phương pháp nghiên cứu**

- *Phương pháp thu thập thông tin*: Thu thập, phân tích và khai thác thông tin từ các nguồn có sẵn liên quan đến đề tài nghiên cứu, bao gồm các Văn kiện, Nghị quyết của Đảng; Luật, Nghị định của Chính phủ; các quy định của bộ ngành ở Trung ương và địa phương; các công trình nghiên cứu, các báo cáo, tài liệu thống kê của chính quyền, ban ngành đoàn thể, tổ chức, cá nhân liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp tới thực hiện pháp luật bảo vệ môi trường ở nước ta nói chung và thực tế tại tỉnh Quảng Bình nói riêng.

- *Phương pháp lịch sử cụ thể*: Phương pháp này được sử dụng ở Chương 1 của Luận văn để tìm hiểu lịch sử hình thành của quy định pháp luật liên quan đến bảo vệ môi trường.

- *Phương pháp phân tích, tổng hợp*: Phương pháp này được sử dụng chủ yếu là trong Chương 1 và Chương 2 để phân tích các cơ sở lý luận, các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường theo pháp luật Việt Nam hiện hành; từ đó rút ra những hạn chế, nguyên nhân của những hạn chế và đề ra các giải pháp phù hợp nhằm giải quyết những hạn chế, tồn tại trong việc bảo vệ môi trường.

- *Phương pháp thống kê*: Là phương pháp thu thập, tổng hợp, trình bày số liệu, tính toán các đặc trưng của đối tượng nghiên cứu nhằm phục vụ cho quá trình phân tích, dự đoán và đề ra các quyết định.

- *Phương pháp chuyên gia*: gặp gỡ, xin ý kiến chuyên gia trong lĩnh vực ngành Tài nguyên và Môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

## **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài**

Trên cơ sở nghiên cứu các quy định của pháp luật Việt Nam về bảo vệ môi trường bằng biện pháp hành chính và thực trạng thực thi pháp luật trong về bảo vệ môi trường trên thực tế. Luận văn có những đóng góp về mặt lý luận và mặt thực tiễn sau đây:

### **6.1. Ý nghĩa lý luận**

Luận văn góp phần nghiên cứu khá toàn diện và hệ thống hóa một số cơ sở lý luận và nghiên cứu thực tiễn, rút ra bài học kinh nghiệm từ thực tiễn về thực hiện pháp luật bảo vệ môi trường trên địa bàn cả nước nói chung và tỉnh Quảng Bình nói riêng. Hệ thống về vấn đề bảo vệ môi trường bằng biện pháp hành chính, đánh giá những mặt tích cực và hạn chế của hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường của Việt Nam hiện hành, trên cơ sở đó đề ra những giải pháp kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định pháp luật về vấn đề liên quan, những giải pháp nâng cao tính thực thi của pháp luật về biện pháp xử lý hành vi vi phạm về vệ sinh môi trường trong thời gian tới.



## **6.2. Ý nghĩa thực tiễn**

Cung cấp thông tin thực tiễn và đề xuất những giải pháp tham khảo đối với các nhà quản lý về thực hiện pháp luật bảo vệ môi trường từ thực tiễn tỉnh Quảng Bình.

## **7. Kết cấu Đề tài**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, mục lục, danh mục tài liệu tham khảo thì nội dung của luận văn được chia làm 03 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận về pháp luật bảo vệ môi trường tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh.

Chương 2: Thực tiễn thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Chương 3: Định hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường trong các cơ sở sản xuất, kinh doanh tại tỉnh Quảng Bình.

## **Chương 1**

### **NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÁP LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TẠI CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH**

#### **1.1. Khái quát chung về bảo vệ môi trường và pháp luật bảo vệ môi trường**

##### **1.1.1. Khái niệm môi trường và bảo vệ môi trường**

- Theo luật bảo vệ môi trường 2014 thì định nghĩa môi trường: “là hệ thống các yếu tố vật chất tự nhiên và nhân tạo có tác động đối với sự tồn tại và phát triển của con người và sinh vật”.

- Theo luật bảo vệ môi trường 2014, thì hoạt động bảo vệ môi trường được hiểu là: “hoạt động giữ gìn, phòng ngừa, hạn chế các tác động xấu đến môi trường; ứng phó sự cố môi trường; khắc phục ô nhiễm, suy thoái, cải thiện, phục hồi môi trường; khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên nhằm giữ môi trường trong lành”.

##### **1.1.2. Khái niệm pháp luật bảo vệ môi trường**

Pháp luật về bảo vệ môi trường là hệ thống văn bản quy phạm pháp luật do nhà nước, hoặc các cơ quan có thẩm quyền ban hành bao gồm các qui phạm pháp luật, các nguyên tắc pháp lý điều chỉnh các quan hệ phát sinh giữa các chủ thể trong quá trình khai thác, sử dụng hoặc tác động đến một hoặc vài yếu tố của môi trường trên cơ sở kết hợp phương pháp điều chỉnh khác nhau nhằm bảo vệ một cách có hiệu quả môi trường sống của con người

#### **1.2. Sự cần thiết phải bảo vệ môi trường trong các cơ sở sản xuất, kinh doanh.**

Trong những năm qua thực hiện đường lối đổi mới, vì tập trung ưu tiên phát triển kinh tế và cũng một phần do nhận thức hạn chế nên việc gắn phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường chưa chú trọng đúng mức. Kết cấu hạ tầng

khu đô thị và khu công nghiệp ở một số nơi chưa có các công trình bảo vệ môi trường, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường dẫn đến việc tồn tại nhiều cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng phải xử lý triệt để. Hầu hết các bãi chôn lấp chất thải rắn còn thô sơ, không bảo đảm các yêu cầu tối thiểu về kỹ thuật. Phần lớn chất thải nguy hại còn tồn đọng mà chưa có hướng giải quyết. Hậu quả là nhiều dòng sông bị ô nhiễm nặng, nhiều nơi nguồn nước mặt, nước ngầm bị nhiễm độc. Không khí ở nhiều đô thị không còn bảo đảm chất lượng. Nhiều bệnh tật nguy hiểm xuất hiện.

Năng lực tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp ở nước ta còn yếu. Hiện nay, các cơ sở sản xuất, kinh doanh đảm bảo khả năng tài chính còn hạn chế. Khi tiềm lực kinh tế chưa đủ mạnh, thông thường chủ các doanh nghiệp sẽ tập trung cho phát triển sản xuất, kinh doanh, mà không chú trọng những mục tiêu môi trường.

Công nghệ sản xuất ở một bộ phận lớn các doanh nghiệp vẫn là công nghệ lạc hậu, tiêu tốn nhiều tài nguyên, năng lượng và sinh ra nhiều chất thải. Công nghệ sạch, công nghệ thân thiện với môi trường hiện vẫn là “xa xỉ” đối với phần lớn các doanh nghiệp. Sự ô nhiễm từ làng nghề có nguyên nhân chủ yếu là do trang thiết bị, công nghệ sản xuất rất lạc hậu. Tại các làng nghề tái chế thép dân dụng, người ta sử dụng chủ yếu các thiết bị cũ kỹ, lạc hậu nhập từ Trung Quốc; trong chế biến lương thực thì chủ yếu sử dụng máy móc tự tạo, hiệu suất rất thấp. Điều này đã tạo thêm hậu quả xấu về ô nhiễm môi trường lao động cho những người nghèo trong xã hội.

Việc thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường thời gian qua còn yếu kém, một phần do năng lực hạn chế của Nhà nước trong việc đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường. Nhiều cấp lãnh đạo của các bộ, ngành, các tỉnh và thành phố vẫn coi phát triển kinh tế là ưu tiên số một. Phát triển kinh tế trước, xử lý ô nhiễm môi trường sau, trong khi phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm là một trong những nguyên tắc cơ bản của hoạt động bảo vệ môi trường.

Hiện nay, rừng vẫn đang bị tàn phá, đa dạng sinh học bị đe dọa, môi trường đất, nước ở nông thôn đang xấu đi do sử dụng phân bón, hóa chất và thuốc bảo vệ thực vật không hợp lý. Ở khu vực đô thị, rác thải vứt bừa bãi, ô nhiễm không khí do sinh hoạt đang là vấn đề bức xúc. Nguyên nhân của các vấn đề này là do những hạn chế trong năng lực tuân thủ pháp luật về môi trường của cộng đồng dân cư. Một bộ phận người dân vẫn còn nghèo, sống chủ yếu dựa vào môi trường, vì mưu sinh mà phá hoại môi trường. Phương thức canh tác du canh du cư không bền vững, hủy hoại tài nguyên mà vẫn không thoát được nghèo. Người nghèo ở vùng ven biển, sống chủ yếu dựa vào đánh bắt ven bờ, sử dụng những phương tiện đánh bắt hủy diệt gây cạn kiệt nguồn lợi thủy sản, làm cho bản thân họ ngày càng nghèo thêm. Người nghèo ở khu vực đô thị, do không có điều kiện phải sống ở những nơi “ổ chuột”, phải sử dụng nhiên liệu

gây ô nhiễm trong sinh hoạt, trốn tránh nộp phí thu gom rác thải bằng việc vứt rác bừa bãi.

Nhận thức của cộng đồng về lợi ích bảo vệ môi trường còn hạn chế. Một bộ phận người dân vẫn thích ăn thịt thú rừng, dùng thú rừng để chữa bệnh, mà không biết đã góp phần săn bắt động vật hoang dã trái phép, thích dùng các loại gỗ quý hiếm để làm nhà mà không nghĩ mình đã tiếp tay cho lâm tặc. Nhận thức về vệ sinh môi trường quá thấp, thói quen sinh hoạt bừa bãi ở một số vùng nông thôn cũng là vấn đề lớn gây ô nhiễm môi trường, dịch bệnh tác hại đến sức khỏe con người. Nhận thức hạn chế về môi trường cũng dẫn đến hành vi gây ô nhiễm, phóng uế nơi công cộng, tại các điểm danh lam thắng cảnh. Trong nông nghiệp do nhận thức và hiểu biết hạn chế đã dẫn đến việc sử dụng không đúng cách các loại phân bón và thuốc bảo vệ thực vật, gây ô nhiễm nghiêm trọng môi trường đất, môi trường nước.

Chính vì vậy, việc hoàn thiện pháp luật bảo vệ môi trường là yêu cầu bức thiết hiện nay.

### **1.3. Nội dung pháp luật về bảo vệ môi trường trong các cơ sở sản xuất, kinh doanh**

#### ***1.3.1. Các qui định pháp luật về Đánh giá môi trường***

Là công cụ hữu hiệu để quản lý môi trường qua việc buộc các dự án, các hoạt động phát triển phải nghiên cứu, lập báo cáo đánh giá môi trường để cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt.

Đây là công cụ quan trọng để bảo vệ môi trường và phát triển bền vững, bởi vì thông qua quy trình thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá môi trường của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, các cơ quan này sẽ xác định được mức độ tác động đến môi trường của dự án để đưa ra quyết định có đồng ý cho dự án triển khai hay không triển khai, nếu triển khai thì yêu cầu chủ đầu tư phải đưa ra các biện pháp hữu hiệu để bảo vệ môi trường, trong đó có phải xây dựng các công trình xử lý chất thải phù hợp để đảm bảo xử lý triệt để, đúng qui định các loại chất thải phát sinh trong quá trình xây dựng, sản xuất.

Sản phẩm báo cáo đánh giá môi trường được phê duyệt là căn cứ để chủ đầu tư thực hiện các giải pháp, biện pháp kiểm soát, phòng ngừa, xử lý môi trường, tuân thủ những cam kết đã nêu trong báo cáo đánh giá môi trường; là cơ sở để các cơ quan thực thi pháp luật tiến hành kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các cam kết đã nêu của chủ đầu tư trong báo cáo đánh giá môi trường nhằm làm căn cứ để xử lý vi phạm (nếu có) theo qui định của pháp luật.

#### ***1.3.2. Các qui định pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường***

Để đảm bảo kiểm soát ô nhiễm môi trường, các qui định của pháp luật trong lĩnh vực này điều chỉnh các vấn đề cơ bản sau:

- Để có cơ sở phòng ngừa, phát hiện, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, pháp luật bảo vệ môi trường quy định các quy chuẩn kỹ thuật về môi trường. Theo Điều 3, luật bảo vệ môi trường 2014 thì “quy chuẩn kỹ thuật môi trường là mức giới hạn các thông số về chất lượng môi trường xung quanh, hàm lượng của các chất gây ô nhiễm có trong chất thải, các yêu cầu kỹ thuật và quản lý được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành dưới dạng văn bản bắt buộc áp dụng để bảo vệ môi

trường”. Đối với mỗi dòng thải của các ngành nghề đặc trưng thì có từng Quy chuẩn riêng để các chủ thể căn cứ thực hiện cũng như để đầu tư xây dựng các hệ thống xử lý chất thải phù hợp. Ví dụ: QCVN 40 về nước thải công nghiệp; QCVN 12 áp dụng đối với nước thải của ngành sản xuất giấy và bột giấy; QCVN 13 áp dụng đối với nước thải công nghiệp Dệt may... theo từng quy chuẩn thì mỗi thông số môi trường có mức giới hạn khác nhau, các chủ thể phát sinh nước thải chỉ được xả thải ra môi trường có chứa các thông số trong giới hạn cho phép. Đồng thời đây là cơ sở để các cơ quan thực thi như Thanh tra chuyên ngành môi trường, lực lượng Cảnh sát phòng, chống tội phạm môi trường tiến hành thu mẫu, phân tích làm căn cứ để xử lý vi phạm.

- Để làm tốt công tác phòng ngừa ô nhiễm môi trường thì phải thực hiện tốt công tác quản lý chất thải, trong đó có qui định chung về quản lý chất thải; ban hành cụ thể các chế định về quản lý chất thải nguy hại; quản lý chất thải rắn; quản lý nước thải; quản lý và kiểm soát bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung, ánh sáng, bức xạ.

- Một nhiệm vụ quan trọng trong công tác kiểm soát ô nhiễm là việc xử lý ô nhiễm. Theo đó, pháp luật bảo vệ môi trường quy định cụ thể, chặt chẽ các chế định về xử lý ô nhiễm, phục hồi và cải thiện môi trường, bao gồm các nội dung: xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, xử lý, phục hồi môi trường bị ô nhiễm, phòng ngừa, ứng phó, khắc phục và xử lý sự cố môi trường.

### ***1.3.3. Các qui định pháp luật về bảo tồn đa dạng sinh học và bảo vệ các nguồn tài nguyên thiên nhiên***

Các qui định pháp luật trong lĩnh vực này bao gồm:

Các qui định của pháp luật về trách nhiệm quản lý Nhà nước đối với bảo tồn, quản lý đa dạng sinh học và tài nguyên thiên nhiên và các qui định của pháp luật về quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học; qui hoạch, kế hoạch bảo vệ rừng, quy hoạch khoáng sản;

Các qui định về quản lý tài nguyên rừng giữa quản lý của nhà nước và quản lý của chủ rừng; pháp luật về bảo vệ động vật, thực vật hoang dã, bao gồm: bảo vệ đa dạng loài, xuất nhập khẩu động thực vật hoang dã, gây nuôi, bảo vệ động, thực vật hoang dã nguy cấp, quý hiếm; pháp luật về ưu đãi của Nhà nước đối với chủ thể bảo vệ tài nguyên rừng; các qui định của nhà nước về giao rừng, cho thuê rừng, trong đó qui định rõ từng loại rừng được giao, được cho thuê cho từng chủ thể để phục vụ cho cá mục đích phòng hộ, gìn giữ, bảo vệ hay phát triển sản xuất, kinh doanh rừng; các qui định của pháp luật về quản lý của chủ rừng đối với tài nguyên rừng nếu chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân thì xác định rõ quyền và nghĩa vụ của loại chủ thể này đối với từng loại rừng được giao, được cho thuê; các qui định của pháp luật về quản lý của chủ rừng đối với tài nguyên rừng nếu chủ rừng là tổ chức trong nước thì được giao quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ;

Các qui định về quản lý tài nguyên khoáng sản như: qui định về trình tự, thủ tục cấp phép thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản khoáng sản đối với khoáng sản thông thường làm vật liệu san lấp, khoáng sản quý hiếm và khoáng sản độc hại; bảo vệ khoáng sản chưa khai thác; qui định trách nhiệm của các cơ quan nhà nước về thực hiện các thủ tục xuất khẩu khoáng sản các qui định của pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động khoáng sản

### ***1.3.4. Các qui định pháp luật về xử lý vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường***

Các qui định của pháp luật về xử lý vi phạm pháp luật trên lĩnh vực bảo vệ môi

trường chính là qui định việc xác định thế nào là một hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường và nếu vi phạm thì phải chịu áp dụng các chế tài nào. Vì vậy, có thể thấy “vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường là hành vi có lỗi do tổ chức, cá nhân thực hiện vi phạm các qui định của pháp luật trên lĩnh vực bảo vệ môi trường, có thể là tội phạm hoặc không phải tội phạm mà theo quy định của pháp luật phải bị xử lý”.

Hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường được xác định thông qua các đặc điểm: tính xâm hại đến các qui định về bảo vệ môi trường, tính nguy hiểm cho xã hội; tính có lỗi; tính trái pháp luật; tính chịu xử lý vi phạm. Bộ luật hình sự qui định “chỉ người nào phạm một tội đã được bộ luật hình sự qui định mới phải chịu trách nhiệm hình sự”; còn luật vi phạm hành chính đã nêu rõ nguyên tắc “mọi vi phạm hành chính phải được phát hiện, ngăn chặn kịp thời và phải bị xử lý nghiêm minh, mọi hậu quả do vi phạm hành chính gây ra phải được khắc phục theo qui định của pháp luật”. Theo qui định của pháp luật hành chính và luật hình sự, muốn xác định chủ thể vi phạm phải đủ bốn yếu tố cấu thành, đó là: mặt khách quan, mặt chủ quan, khách thể, chủ thể

Đối tượng điều chỉnh của pháp luật xử lý vi phạm trên lĩnh vực bảo vệ môi trường là tổ chức, cá nhân vi phạm các qui định của pháp luật về bảo vệ môi trường, trong đó các chủ thể vi phạm sẽ bị xử lý dưới các hình thức như: phạt tù (đối với cá nhân, không áp dụng đối với tổ chức), phạt cảnh cáo, phạt tiền, thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại...do các cơ quan, người có thẩm quyền áp dụng. Các hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường mà pháp luật qui định chế tài như: vi phạm các qui định về đánh giá môi trường; vi phạm qui định về bảo vệ, quản lý tài nguyên thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học; các hành vi gây ô nhiễm đất, nước, không khí; vi phạm các qui định về bảo vệ môi trường công cộng; vi phạm các qui định về quản lý chất thải...

#### **1.4. Các yếu tố đảm bảo đến việc thực hiện bảo vệ môi trường tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh**

##### ***1.4.1. Đảm bảo bảo vệ môi trường bằng các biện pháp chế tài***

+ Chế tài hình sự: đây là chế tài có mức độ xử lý nghiêm khắc nhất do tòa án áp dụng đối với những chủ thể có hành vi phạm tội.

+ Chế tài hành chính: đây là trách nhiệm pháp lý do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền được qui định cụ thể trong luật xử lý vi phạm hành chính 2012 và nghị định chuyên ngành để áp dụng đối với các chủ thể vi phạm hành chính.

+ Chế tài dân sự (kinh tế): đây là loại chế tài do tòa án hoặc các cơ quan có thẩm quyền được pháp luật qui định được phép áp dụng đối với các chủ thể vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường và gây thiệt hại.

##### ***1.4.2. Đảm bảo bảo vệ môi trường bằng hệ thống các cơ quan thực thi pháp luật***

Để thống nhất, tập trung làm tốt công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, Bộ Tài nguyên – môi trường là cơ quan được giao nhiệm vụ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về môi trường trên phạm vi cả nước. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ và các Đoàn thể Trung ương có trách nhiệm thực hiện hoặc phối hợp với Bộ Tài nguyên - Môi trường thực hiện quản lý các vấn đề môi trường trong phạm vi ngành. Tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Sở Tài nguyên – môi trường được giao nhiệm vụ là cơ quan thường trực tham mưu giúp UBND tỉnh thực hiện chức

năng quản lý nhà nước về môi trường tại địa phương, gồm các đơn vị chuyên môn: Thanh tra, Chi cục bảo vệ môi trường; Phòng quản lý tài nguyên nước và khí tượng Thủy văn; Phòng khoáng sản.

#### **1.4.3. Đảm bảo bảo vệ môi trường bởi ý thức pháp luật của các chủ thể thực thi pháp luật bảo vệ môi trường**

Ý thức pháp luật cũng là một yếu tố bảo đảm việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường một cách thực chất. Trong đời sống thực tế hàng ngày đã chứng minh cho chúng ta thấy nếu bất cứ cá nhân, tổ chức nào có ý thức pháp luật cao thì việc thực hiện, tuân thủ pháp luật rất triệt để và ngược lại.

#### **1.4.4. Bảo đảm bảo vệ môi trường bằng các biện pháp kích thích kinh tế**

Trong hoạt động bảo vệ môi trường, các biện pháp kích thích kinh tế tỏ ra khá hiệu quả, đặc biệt trong nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường hiện nay. Trên cơ sở sử dụng công cụ kinh tế tác động trực tiếp vào lợi ích của người gây ô nhiễm sẽ làm thay đổi hành vi của họ theo hướng có lợi cho môi trường.

Trong thời gian qua, tại Việt Nam việc thể chế hoá các công cụ kinh tế trong bảo vệ môi trường đang được thực hiện. Pháp luật bảo vệ môi trường đã quy định các biện pháp tài chính liên quan đến lĩnh vực này bao gồm các quy định về thuế môi trường, ký quỹ phục hồi môi trường, phí bảo vệ môi trường đối với chất thải rắn, nước thải, khai thác khoáng sản, qui định về bồi thường thiệt hại do gây ô nhiễm môi trường, các chính sách hỗ trợ tài chính của Nhà nước (miễn, giảm thuế đối với hoạt động tái chế từ chất thải...), ban hành các giải thưởng môi trường, dán nhãn sinh thái.... Các biện pháp này đã góp phần kích thích cần thiết đối với các chủ thể thực thi pháp luật bảo vệ môi trường theo hướng tích cực.

## **Chương 2**

### **THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TẠI CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH**

#### **2.1. Tình hình thực hiện pháp luật về môi trường trong các cơ sở sản xuất, kinh doanh tại tỉnh Quảng Bình**

##### **2.1.1. Việc thực hiện trách nhiệm quản lý Nhà nước về BVMT**

##### **2.1.1.1. Việc chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ BVMT**

Thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/06/2013 của BCHTW Đảng (khoá XI) về “Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường”. Xây dựng Chương trình hành động số 23-CTr/TU ngày 16/8/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 (khóa XI) về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường và thi hành Luật Bảo vệ môi trường năm 2005, công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh đã có những chuyển biến tích cực và đạt được một số kết quả:

- Nhận thức của các cấp uỷ đảng, chính quyền các cấp, các ngành, các tầng lớp nhân dân và doanh nghiệp về vai trò, tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường đã được nâng lên rõ rệt.

- Bộ máy quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường từ tỉnh đến huyện, thị xã, thành phố, xã phường được kiện toàn và tăng cường, những vấn đề bức xúc, các điểm nóng về môi trường đã từng bước được giải quyết có hiệu quả. Công tác xử lý triệt để các cơ sở ô nhiễm môi trường nghiêm trọng có tên trong Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg ngày 22/4/2003 của Thủ tướng Chính phủ cơ bản thực hiện tốt.

- Nguồn đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường được tăng lên theo từng năm;

- Công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường từng bước được tăng cường, hoàn thiện và bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

*2.1.1.1.2. Về nhiệm vụ quan trắc môi trường, đánh giá hiện trạng môi trường*

Tỉnh Quảng Bình đã xây dựng Báo cáo Hiện trạng môi trường tỉnh Quảng Bình 5 năm giai đoạn 2005 - 2010. Tùy tình hình thực tế và nhu cầu công tác quản lý môi trường, cơ quan quản lý nhà nước về môi trường đã thực hiện các báo cáo hiện trạng môi trường chuyên đề và các lĩnh vực nổi cộm được cộng đồng quan tâm: Năm 2012 xây dựng: Báo cáo điều tra, đánh giá hiện trạng môi trường và đề xuất biện pháp khắc phục ô nhiễm môi trường vùng nuôi tôm trên cát ven biển tỉnh Quảng Bình; Năm 2013 xây dựng Báo cáo điều tra, đánh giá hiện trạng môi trường và đề xuất biện pháp giảm thiểu, khắc phục ô nhiễm môi trường trong hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; Năm 2014 xây dựng báo cáo Chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

Hàng năm, Trung tâm Quan trắc và Kỹ thuật môi trường Quảng Bình tiến hành quan trắc và phân tích môi trường theo mạng lưới quan trắc môi trường theo đề án đã được UBND tỉnh phê duyệt và đo đạc bổ sung thông môi trường tại những vùng nhạy cảm với tần suất 4 lần/năm.

Đây là những dữ liệu về thực trạng môi trường của tỉnh và là một trong những cơ sở để các Sở, ban, ngành, địa phương xây dựng chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội gắn với bảo vệ môi trường.

*2.1.1.1.3. Về việc thẩm định và phê duyệt cáo cáo ĐTM*

Công tác lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo Đánh giá tác động môi trường, Đề án bảo vệ môi trường, Cam kết bảo vệ môi trường, dự án ký quỹ phục hồi môi trường đã được thực hiện đúng quy định đề cao được tính phòng ngừa và nâng cao ý thức trong công tác bảo vệ môi trường của các dự án sản xuất và dịch vụ ngày càng hiệu quả và nề nếp.

Việc xây dựng bộ thủ tục hành chính về lĩnh vực môi trường (11 bộ) được UBND tỉnh ra quyết định ban hành đã giúp rút ngắn thời gian cho các doanh nghiệp trong quá trình giải quyết các thủ tục hành chính về bảo vệ môi trường; đồng thời nâng cao chất lượng thẩm định đánh giá tác động môi trường, đáp ứng yêu cầu công việc cải cách hành chính của của tỉnh.

Việc chỉ đạo, hướng dẫn chuyên môn cho phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thị xã, thành phố trong việc cấp xác nhận Bản cam kết bảo vệ

môi trường được chú trọng, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý môi trường của địa phương.

Trong 05 năm qua (2013 – 2017), đã thẩm định và phê duyệt 232 báo cáo đánh giá tác động môi trường, 11 đề án bảo vệ môi trường chi tiết và 1.367 cam kết bảo vệ môi trường.

#### 2.1.1.1.4. Việc đầu tư, sử dụng kinh phí cho công tác BVMT

Quảng Bình vẫn là tỉnh có nền kinh tế phát triển chưa cao, cơ cấu kinh tế đã có sự chuyển dịch nhưng còn chậm, chưa có dịch chuyển đột phá theo hướng hiện đại, vì vậy ngân sách đầu tư cho sự nghiệp môi trường của địa phương chưa đảm bảo theo Quyết định số 34/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Theo thống kê, trong thời gian qua nguồn vốn đầu tư cho BVMT từ ngân sách của Nhà nước có chiều hướng tăng qua các năm. Việc theo dõi và quản lý các nhiệm vụ, dự án, đề án về môi trường đã được phân công, phân cấp cụ thể theo quy định của pháp luật. Hầu hết các nhiệm vụ đều hoàn thành theo kế hoạch đặt ra, sản phẩm thu được đảm bảo số lượng và chất lượng. Bên cạnh các nguồn kinh phí đầu tư trực tiếp từ ngân sách nhà nước, một số dự án còn tranh thủ các nguồn vốn viện trợ của nước ngoài như: dự án vệ sinh môi trường Thành phố Đồng Hới là một trong ba dự án vệ sinh môi trường các thành phố duyên hải Miền Trung do Ngân hàng thế giới (WB) tài trợ. Tổng vốn đầu tư cho dự án là 78,5 triệu USD, trong đó vốn vay ưu đãi từ WB hơn 59 triệu USD, vốn viện trợ không hoàn lại hơn 1,3 triệu USD, còn lại là nguồn vốn đối ứng

**Bảng 1: Chi ngân sách cho hoạt động sự nghiệp môi trường**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Năm	Dự toán chi ngân sách	Chia ra ngân sách		Ghi chú
		Tỉnh	Địa phương	
2013	66.051	44.460	17.591	
2014	65.183	47.592	17.591	
2015	66.906	49.315	17.591	
2016	66.112	48.521	17.591	

*Nguồn: Nghị quyết về dự toán thu, chi ngân sách nhà nước tỉnh*

**Bảng 12.2: Chi ngân sách nhà nước các huyện, thị xã, thành phố cho hoạt động môi trường**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Huyện, TX, TP	Minh Hoá	Tuyên Hoá	Ba Đồn	Quảng Trạch	Bố Trạch	Đồng Hới	Quảng Ninh	Lệ Thuỷ
2013	2.428	1.425		2.651	2.386	4.982	1.693	2.021
2014	2.428	1.425		2.651	2.386	4.982	1.698	2.021
2015	2.428	1.425	1.411	1.240	2.386	4.982	1.698	2.021
2016	2.428	1.425	1.411	1.240	2.386	4.982	1.698	2.021

*Nguồn: Nghị quyết về dự toán thu, chi ngân sách nhà nước tỉnh*



- Tỉnh đã rất quan tâm, bố trí kinh phí sự nghiệp môi trường; chỉ đạo các ngành, các địa phương thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư liên tịch số 45/2010/TTLT-BTC-BTNMT ngày 30/3/2010 của Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn việc quản lý kinh phí sự nghiệp môi trường, Nhờ có nguồn kinh phí này, các địa phương đã chủ động cân đối, bố trí chi cho hoạt động quản lý môi trường; góp phần để công tác bảo vệ môi trường được triển khai thuận lợi.

- Kinh phí chi cho sự nghiệp môi trường được bố trí tăng lên hàng năm, do đó một số vấn đề lớn, cấp bách về môi trường của địa phương đã có nguồn kinh phí để bước đầu chủ động thực hiện và từng bước giải quyết các nhiệm vụ chuyên môn theo lộ trình thích hợp và đã có những đóng góp nhất định cho công tác bảo vệ môi trường tại địa phương;

Nhìn chung, nguồn kinh phí phân bổ cho sự nghiệp môi trường cho các địa phương kịp thời và ổn định qua các năm. Trong đó nguồn kinh phí được tập trung ưu tiên đầu tư cho công tác thu gom và xử lý rác thải trên địa các huyện, thị xã, thành phố. Các đơn vị quản lý môi trường các cấp đều sử dụng hiệu quả các nguồn kinh phí được cấp theo kế hoạch đề ra hàng năm.

#### *2.1.1.1.5. Tổ chức bộ máy, năng lực quản lý nhà nước về môi trường*

Hệ thống quản lý nhà nước về lĩnh vực môi trường tại địa phương đã được sắp xếp ổn định nguồn nhân lực, từng bước đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra, cụ thể như sau:

- Cấp tỉnh: Chi cục BVMT được thành lập trên cơ sở Phòng quản lý Môi trường chi cục thực hiện công tác quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường của tỉnh; Phòng Kỹ thuật - An toàn - Môi trường thuộc Sở Công thương được thành lập từ năm 2008; Trung tâm Quan trắc và Kỹ thuật môi trường là đơn vị hoạt động sự nghiệp về lĩnh vực môi trường. Đội ngũ cán bộ CNVC hoạt động trong lĩnh vực môi trường ngày càng được tăng cường, có trình độ, chuyên môn phù hợp và thường xuyên được đào tạo, tập huấn trao dồi nghiệp vụ.

- Công an tỉnh đã thành lập Phòng cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường vào năm 2007. Đối với cấp huyện, riêng Công an thành phố Đông Hới đã thành lập Đội cảnh sát môi trường; các địa phương khác lĩnh vực phòng chống tội phạm về môi trường do Đội Cảnh sát kinh tế đảm nhiệm.

- Cấp huyện, thành phố: 8/8 huyện, thị xã, thành phố có phòng Tài nguyên - Môi trường, cấp huyện có 01 - 02 chuyên viên môi trường.

- Cấp xã: Tất cả các xã, phường, thị trấn đều có cán bộ môi trường theo dõi tất cả các hoạt động về lĩnh vực môi trường trên địa bàn thuộc quyền quản lý.

- Ở các cơ quan, doanh nghiệp: Đến nay, Ban quản lý Khu kinh tế đã thành lập phòng Tài nguyên - Môi trường, một số KCN và nhà máy đã có cán bộ chuyên trách/hoặc bán chuyên trách theo dõi môi trường trong khu vực hoạt động.

#### *2.1.1.1.6. Về công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát BVMT.*

Công tác thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực môi trường ở tỉnh Quảng Bình luôn được quan tâm, chú trọng; vì vậy đã xử lý, chấn chỉnh kịp thời các vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường góp phần từng bước nâng cao ý thức chấp hành pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường của các tổ chức, cá nhân góp phần đưa công tác bảo vệ môi trường đi vào nề nếp, đề cao kỷ cương pháp luật trong cộng đồng.

Hàng năm, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với thanh tra Tổng cục môi trường, Phòng cảnh sát môi trường Công an tỉnh, Ban quản lý khu kinh tế tiến hành nhiều cuộc thanh, kiểm tra. Qua thanh tra, kiểm tra đã phát hiện những sai phạm và tiến hành lập biên bản VPHC, ra quyết định xử phạt VPHC trong lĩnh vực môi trường theo đúng các quy định của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính, văn bản hướng dẫn thi hành pháp lệnh và Nghị định số 179/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường. Các hành vi vi phạm đều được phát hiện và xử lý kịp thời, đúng hành vi, đúng đối tượng, đúng thẩm quyền, áp dụng đúng hình thức xử lý và đảm bảo về trình tự, thủ tục xử lý VPHC.

Kết quả đã xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường từ năm 2013 đến năm 2017 như sau:

*(Theo Nguồn từ Báo cáo công tác quản lý nhà nước và thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Bình của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Bình )*

- Năm 2013: Tiến hành thanh tra, kiểm tra 120 lượt cơ sở.

- Năm 2014: Tiến hành kiểm tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường tại các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ trên 100 lượt cơ sở.

- Năm 2015: Tiến hành kiểm tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường tại các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh 65 lượt cơ sở. Tham gia với Tổng Cục môi trường thanh tra 25 cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ trên địa bàn tỉnh. Trong đó đã lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính đối với 18 cơ sở với tổng số tiền là 1.349.596.000 đồng.

- Năm 2016: Tiến hành kiểm tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường tại các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh 83 lượt cơ sở.

- Năm 2017: Đã thực hiện thanh tra, kiểm tra công tác bảo vệ môi trường 215 lượt cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; trong đó: Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện thanh tra, kiểm tra 75 lượt cơ sở, Phòng cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường - Công an tỉnh thực hiện kiểm tra 35 lượt cơ sở; cấp huyện thực hiện kiểm tra 105 lượt cơ sở. Qua công tác thanh tra, kiểm tra đã phát hiện và xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường 43 cơ sở, với tổng số tiền xử phạt là 1.088 triệu đồng; trong đó: Sở Tài nguyên và Môi trường xử phạt 04 cơ sở với số tiền 102 triệu đồng; Phòng cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường - Công an tỉnh xử phạt 35 cơ sở với số tiền 976 triệu đồng; UBND thành phố Đồng Hới xử phạt 04 cơ sở với số tiền 10 triệu đồng. Sở Tài nguyên và Môi trường đã đình chỉ hoạt động 02 đơn vị là Cơ sở

chế biến mủ cao su Trần Văn Linh ở Thị Trấn Nông trường Việt Trung và Nhà máy gạch Tuynen Hưng Bình ở xã Nam Trạch huyện Bố Trạch; tạm đình chỉ hoạt động đối với Nhà máy xi măng Áng Sơn thộc Công ty xi măng Vicem Hải Vân. Đến nay, các cơ sở đã cơ bản khắc phục các vi phạm theo yêu cầu.

- Chưa có vụ việc vi phạm nào phát sinh trong lĩnh vực môi trường có dấu hiệu tội phạm, kiến nghị xử lý hình sự.

Các hành vi vi phạm trong lĩnh vực môi trường chủ yếu là: chủ yếu vi phạm các quy định về lập, thực hiện các nội dung cam kết BVMT, báo cáo Đánh giá tác động môi trường vi phạm tiêu chuẩn xả thải, quản lý chất thải, rác thải không đúng quy định gây ô nhiễm môi trường... Đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường chủ yếu là các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ.

Hình thức xử phạt chủ yếu là phạt tiền và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả như: buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do VPHC gây ra, buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, buộc thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung trong báo cáo ĐTM, cam kết BVMT, Đề án BVMT. Qua thanh tra, kiểm tra đã phát hiện kịp thời và xử lý các vi phạm hành chính, tham mưu và kiến nghị UBND tỉnh, các cấp, ngành phương án giải quyết các vụ việc cụ thể, góp phần đưa việc chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường của các tổ chức, cá nhân đi vào nề nếp.

#### *2.1.1.1.7. Hoạt động kiểm soát ô nhiễm, quản lý chất thải:*

##### *a. Nước thải:*

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Quảng Bình có 04 khu công nghiệp, 02 khu kinh tế có các cơ sở sản xuất công nghiệp đang hoạt động và nhiều cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ nằm phân tán, chưa kể các cơ sở nhỏ lẻ nằm trong dân đều có phát sinh nước thải trong quá trình hoạt động.

- Đối với các cơ sở sản xuất công nghiệp: Theo số liệu thống kê quản lý được, lượng nước thải phát sinh tại một số khu công nghiệp như sau:

+ Khu công nghiệp Tây Bắc Đồng Hới: 2.268m<sup>3</sup>/tháng.

+ Khu công nghiệp Bắc Đồng Hới: 2.880 m<sup>3</sup>/tháng.

+ Khu công nghiệp Cảng biển Hòn La: 1.163 m<sup>3</sup>/tháng.

Nước thải chủ yếu là nước thải sinh hoạt công nhân và một phần nước thải công nghiệp được thu gom qua hệ thống các ống dẫn nước và xử lý trong nội bộ nhà máy đảm bảo yêu cầu trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

Riêng tại Khu công nghiệp Cảng biển Hòn La đã được đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung với công suất thiết kế 500 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Hiện nay đang giai đoạn vận hành thử nghiệm trước khi đi vào hoạt động và đang thực hiện đấu nối với các nhà máy, xây dựng tuyến đường ống dẫn nước thải sau xử lý đến vị trí tiếp nhận và đấu nối xả thải.

Các cơ sở sản xuất công nghiệp đơn lẻ nước thải sản xuất được thu gom và xây dựng hệ thống xử lý của cơ sở để xử lý nước thải đảm bảo đạt quy chuẩn

cho phép trước khi thải ra môi trường qua hệ thống thu gom chung của các Khu công nghiệp.

- Đối với các cơ sở kinh doanh, dịch vụ: Nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất của các cơ sở được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý nước thải của cơ sở (các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tự đầu tư hệ thống thu gom, xử lý nước thải theo báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt hoặc bản cam kết bảo vệ môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường đã được xác nhận khi thực hiện dự án), nước thải sau xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn cho phép trước khi xả ra môi trường tiếp nhận.

\* Về công tác thẩm định cấp phép xả nước thải vào nguồn nước theo quy định của Luật Tài nguyên nước:

Từ năm 2013 đến nay, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tiếp nhận và tham mưu cho UBND tỉnh cấp phép xả nước thải vào nguồn nước cho 67 cơ sở, trong đó:

- Năm 2013: 07 cơ sở;
- Năm 2014: 30 cơ sở;
- Năm 2015: 06 cơ sở;
- Năm 2016: 15 cơ sở;
- Năm 2017: 09 cơ sở;

*b. Khí thải, bụi:*

Bụi, khí thải phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất chủ yếu là tại các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng như tại các nhà máy xi măng, khai thác và chế biến khoáng sản, sản xuất gạch; các cơ sở chế biến gỗ, thủy sản... Các cơ sở có phát sinh bụi, khí thải tự đầu tư thiết bị thu gom, xử lý phù hợp với từng loại nguồn thải nhằm đảm bảo các nguồn thải ra môi trường đạt quy chuẩn cho phép. Kết quả quan trắc môi trường không khí định kỳ hàng năm tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đều nằm trong giới hạn quy chuẩn cho phép. Tuy nhiên, có những thời điểm tại một số cơ sở sản xuất gặp sự cố mất điện, hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí thải không hoạt động nên có phát tán bụi, khí thải ra môi trường xung quanh nhưng mang tính chất cục bộ tức thời và được xử lý kịp thời.

*c. Chất thải rắn công nghiệp thông thường:*

Số cơ sở sản xuất công nghiệp ở Quảng Bình chưa nhiều và phân bố không tập trung (khu vực tập trung nhất hiện nay là tại các khu công nghiệp, cụm CN, TTCN), vì vậy công tác quản lý việc thu gom và xử lý chất thải rắn công nghiệp còn khó khăn.

Theo số liệu thống kê sơ bộ, khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh trên địa bàn tỉnh khoảng 209 tấn/ngày. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tự bố trí phương tiện, thiết bị thu gom và hợp đồng vận chuyển xử lý hoặc tái sử dụng đảm bảo vệ sinh môi trường. Đối với chất thải rắn công nghiệp không tái sử dụng được, các đơn vị hợp đồng với Ban quản lý

công trình công cộng các huyện, thị xã, thành phố thu gom, vận chuyển, xử lý tại các bãi chôn lấp chất thải trên địa bàn.

*d. Chất thải nguy hại:*

Lượng chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh trên địa bàn tỉnh hàng năm khoảng 297.595 kg, trong đó: CTNH trong y tế khoảng 74.957 kg; trong khai thác và chế biến khoáng sản khoảng 331 kg; trong ngành điện khoảng 156.100 kg; trong dịch vụ khoảng 22.771 kg; trong sản xuất công nghiệp khoảng 199 kg; trong sản xuất vật liệu xây dựng khoảng 40.786 kg và trong các ngành khác khoảng 2.451 kg.

Sở Tài nguyên và Môi trường thường xuyên đôn đốc các huyện, thị xã và thành phố tăng cường công tác quản lý và rà soát các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có phát sinh chất thải nguy hại trên địa bàn; đôn đốc, hướng dẫn các cơ sở kê khai, báo cáo và đăng ký Chủ nguồn thải CTNH, thu gom và lưu giữ CTNH theo quy định. Năm 2017, đã tiếp nhận và cấp Sổ chủ nguồn thải chất thải nguy hại cho 07 cơ sở phát sinh chất thải nguy hại với khối lượng trên 50 kg/tháng, đến nay toàn tỉnh có 59 cơ sở được cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải nguy hại.

Hiện tại, trên địa bàn tỉnh Quảng Bình chưa có cơ sở thu gom, xử lý chất thải nguy hại. Sở đã hướng dẫn các cơ sở liên hệ với các Công ty ngoài tỉnh được cấp phép xử lý CTNH, như: Công ty CP Cơ - Điện - Môi trường LILAMA tỉnh Quảng Ngãi và Công ty TNHH Môi trường Phú Hà tỉnh Phú Thọ - Chi nhánh Hà Tĩnh để hợp đồng vận chuyển xử lý theo đúng quy định.

*2.1.1.1.8. Việc thực hiện chương trình quan trắc, giám sát môi trường và thực hiện các yêu cầu, trách nhiệm về bảo vệ môi trường của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường*

Thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, hồ sơ đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường, cam kết bảo vệ môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, xác nhận, định kỳ hàng năm các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, Ban quản lý các Khu công nghiệp đều thực hiện nghiêm túc chương trình quan trắc, giám sát môi trường đối với các nguồn thải phát sinh gồm: khí thải, tiếng ồn, nước thải (các đơn vị này đã hợp đồng với các đơn vị quan trắc môi trường được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép); thực hiện nghiêm túc việc thu gom, xử lý các nguồn chất thải phát sinh đảm bảo vệ sinh môi trường và định kỳ báo cáo kết quả công tác bảo vệ môi trường của đơn vị về Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thị xã, thành phố để theo dõi, giám sát. Vấn đề xả thải được kiểm soát chặt chẽ và được UBND tỉnh cấp phép xả thải theo quy định của Luật Tài nguyên nước.

Kết quả quan trắc, giám sát môi trường tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ cho thấy các chỉ tiêu quan trắc nằm trong giới hạn cho phép. Tuy nhiên, tại một số cơ sở có những thời điểm quan trắc vẫn còn có một số chỉ tiêu vượt quy chuẩn cho phép nhưng không đáng kể và không liên tục. Sở Tài nguyên và

Môi trường đã nhắc nhở, hướng dẫn khắc phục xử lý phù hợp nhằm kiểm soát chất lượng nước thải trước khi thải ra môi trường.

Kết quả thực hiện chương trình quan trắc, giám sát môi trường của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Quảng Bình từ năm 2012 đến nay như sau:

- Năm 2013: 75 lượt cơ sở;
- Năm 2014: 189 lượt cơ sở;
- Năm 2015: 189 lượt cơ sở;
- Năm 2016: 176 lượt cơ sở;
- Năm 2017 : 154 lượt cơ sở;

#### *2.1.1.1.9. Công tác tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật về BVMT*

Công tác tuyên truyền và nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường được thường xuyên thực hiện, hàng năm đã tổ chức nhiều lớp tuyên truyền, phổ biến và nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, tổ chức các hoạt động thiết thực để hưởng ứng kỷ niệm ngày Môi trường thế giới (5/6), Ngày quốc tế đa dạng sinh học (22/5) Tuần lễ Biển và hải đảo Việt Nam (1-8/6), Ngày làm cho thế giới sạch hơn, tháng hành động vệ sinh môi trường nông thôn. Các hoạt động hưởng ứng kỷ niệm được tổ chức với nhiều hình thức phong phú, ý nghĩa, thiết thực, thu hút được đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia và mang lại hiệu quả cao trong việc nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ đa dạng sinh học... Trong 5 năm qua Sở Tài nguyên và môi trường đã phối hợp chặt chẽ với các sở ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh tổ chức chính trị xã hội cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã và thành phố để tổ chức 47 lớp tập huấn tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, ứng phó với biến đổi khí hậu.

#### *2.4.1.1.10. Về xã hội hóa công tác BVMT*

Việc huy động các nguồn lực, các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh, các tổ chức xã hội và cộng đồng tham gia bảo vệ môi trường ngày càng được chú trọng và bước đầu đã mang lại hiệu quả nhất định.

Các loại hình dịch vụ tư nhân, các tổ tự quản được thành lập góp phần thu gom và xử lý chất thải tại các vùng đô thị và khu dân cư.

Lĩnh vực tư vấn môi trường; tư vấn thiết kế công trình xử lý nước thải; lập quy hoạch, kế hoạch, chiến lược... liên quan đến bảo vệ môi trường đã hình thành nhiều tổ chức ngoài nhà nước.

Phổ biến, tuyên truyền, nâng cao nhận thức, thúc đẩy bảo vệ môi trường trong các tầng lớp nhân dân thông qua Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên đã ký kết liên tịch, tổ chức triển khai các hoạt động với nhiều hình thức phong phú đã làm cho phong trào bảo vệ môi trường trong cộng đồng ngày càng phát triển.

#### **2.1.2. Việc thực thi pháp luật của các cơ sở sản xuất, kinh doanh**

##### *2.1.2.1. Việc thực thi pháp luật, quản lý môi trường của các doanh nghiệp*

Nhìn chung, các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh đã có ý thức trong công tác bảo vệ môi trường; quan tâm thực hiện các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

Tuy nhiên, một số không ít tổ chức cá nhân chưa đề cao ý thức trách nhiệm trong chấp hành, áp dụng không đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ còn hạn chế dẫn đến việc khiếu nại, tố cáo của cộng đồng.

#### *2.1.2.2. Việc thực thi pháp luật, quản lý môi trường của khu Kinh tế.*

Công tác này tuy đã được Ban quản lý Khu kinh tế Quảng Bình quan tâm nhưng vẫn còn nhiều bất cập, chưa đạt được hiệu quả cao; Hầu hết các khu kinh tế, khu công nghiệp trên địa bàn Quảng Bình chưa xây dựng khu xử lý nước thải tập trung (trừ KCN Cảng biển Hòn La đã hoàn thành Quý IV/2015), vì vậy, sức thu hút đầu tư nước ngoài các dự án lớn trong nước còn hạn chế.

#### *2.1.2.3. Việc thực thi pháp luật, quản lý môi trường đô thị, nông thôn, khu dân cư*

Đã đạt được những thành tựu nhất định; kỹ cương pháp luật đang dần dần đi vào nề nếp, đặc biệt hiện nay khi chương trình xây dựng nông thôn mới đang triển khai mạnh mẽ.

### **2.2. Những tồn tại và hạn chế trong việc thực hiện pháp luật bảo vệ môi trường tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh ở tỉnh Quảng Bình**

#### *2.2.1. Về việc thực hiện trách nhiệm quản lý Nhà nước về BVMT*

Đội ngũ làm công tác quản lý môi trường còn thiếu về số lượng, hạn chế về năng lực và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, nhất là ở cấp huyện, xã.

Các nguồn lực đầu tư còn hạn chế chưa đáp ứng đủ cho yêu cầu của công tác bảo vệ môi trường trong giai đoạn mới. Trang thiết bị phục vụ công tác bảo vệ môi trường còn thiếu.

Tỉnh chưa xây dựng chiến lược bảo vệ môi trường, chưa có quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Chưa xây dựng báo cáo Đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC) đối với các quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản tỉnh Quảng Bình để định hướng và hoạch định cho sự phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ môi trường.

Việc chậm thành lập Quỹ bảo vệ môi trường của tỉnh đã gây một số khó khăn trong công tác quản lý quỹ cải tạo phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản, không tập trung được nguồn lực để hỗ trợ cho các nội dung bảo vệ môi trường cấp bách ở địa phương.

Tình trạng sử dụng nguồn ngân sách sự nghiệp môi trường sai mục đích cho các mục đích còn khá phổ biến ở một số địa phương.

Việc lập dự toán, xây dựng mục chi, điều hành phân bổ, kiểm tra, ngân sách sự nghiệp môi trường giữa các ngành, giữa các địa phương vẫn mang tính bình quân, dàn trải chưa xác định rõ mục tiêu, lộ trình chủ yếu để tập trung giải

quyết các vấn đề trọng điểm. Vì vậy, chưa giải quyết triệt để những vấn đề cấp bách, những trọng tâm, trọng điểm và bức xúc về môi trường của địa phương.

Vẫn còn nhiều Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường không được các đối tượng chấp hành. Hàng năm, Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát và đã ban hành nhiều công văn yêu cầu các đối tượng nộp phạt nhưng mức độ chấp hành của các đối tượng bị xử phạt chưa cao. Việc tổ chức thực hiện cưỡng chế khó thực hiện do cơ chế phối hợp và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan chưa cụ thể, rõ ràng. Cơ quan Thanh tra chuyên ngành không có lực lượng chuyên trách thực hiện công tác cưỡng chế. Do vậy, việc thực hiện biện pháp cưỡng chế buộc chấp hành Quyết định xử lý vi phạm hành chính bằng các biện pháp như: khấu trừ tiền từ tài khoản tại ngân hàng, kê biên tài sản...khó áp dụng để thực hiện trong thực tế.

Trên thực tế một số đối tượng bị xử phạt do gặp khó khăn trong sản xuất, kinh doanh nên không thể nộp được tiền xử phạt VPHC.

### **2.2.2. Về việc thực thi pháp luật của các cơ sở sản xuất, kinh doanh**

Một số cơ sở sản xuất, kinh doanh chưa chấp hành nghiêm túc, trách nhiệm trong việc đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại; chưa ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường hoặc ký quỹ không đầy đủ, chưa lập đề án bảo vệ môi trường;

Số đơn vị tự giám sát môi trường còn thấp, vẫn còn một số Doanh nghiệp với nhiều lý do đã cố tình vi phạm các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, gây ô nhiễm môi trường làm bức xúc cho nhân dân như: Nhà máy tinh bột sắn Sông Dinh, Nhà máy xi măng Thanh Trường, Nhà máy xi măng Áng Sơn, Nhà máy chế biến tinh bột dong riêng Long Giang...

Một số doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh vì lợi ích kinh tế còn xem nhẹ yêu cầu bảo vệ môi trường.

Một số đơn vị công ích (bệnh viện) tuy đã được đầu tư hệ thống xử lý nhưng còn gặp khó khăn trong việc duy trì hoạt động hệ thống xử lý do chưa đủ kinh phí; Các bệnh viện tuyến huyện, thị xã, thành phố hiện nay đã được đầu tư lò đốt chất thải rắn y tế do Dự án Y tế Nông thôn (Bộ y tế) trang cấp, tuy nhiên kết quả thanh tra, kiểm tra cho thấy các lò đốt này vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu xử lý, cụ thể: chưa có hệ thống xử lý khói thải, dẫn đến khí thải ra môi trường chưa đảm bảo theo tiêu chuẩn cho phép, dễ dàng tái lập Dioxin.

Mặc dù tỉnh đã tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý và hướng dẫn nhưng tình trạng nói trên ở một số doanh nghiệp vẫn chưa được khắc phục ngoài nguyên nhân chủ quan còn có nguyên nhân khách quan là do thiếu vốn đầu tư, thiếu kinh phí hoạt động.



### Chương 3

## **ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI TỈNH QUẢNG BÌNH**

**3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả pháp luật về bảo vệ môi trường trong các cơ sở sản xuất, kinh doanh tại tỉnh Quảng Bình**

**3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường trong các cơ sở sản xuất, kinh doanh tại tỉnh Quảng Bình**

### *3.2.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về bảo vệ môi trường*

#### *3.2.1.1. Hoàn thiện các quy định pháp luật về đánh giá môi trường*

Trước thực trạng thực thi các qui định của pháp luật bảo vệ đánh giá môi trường trên địa bàn Quảng Bình. Đề góp phần nâng cao hơn nữa ý nghĩa, hiệu quả của hoạt động đánh giá môi trường trong công tác bảo vệ môi trường, đề xuất:

- Xây dựng cơ chế kiểm tra, giám sát đối với việc thực hiện báo cáo ĐTM. Đây là giải pháp quan trọng để bảo đảm cho các quy phạm pháp luật về ĐTM được thực hiện có hiệu quả trong thực tế. Các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc quản lý môi trường cần tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về ĐTM. Nghiên cứu các cơ chế giám sát thực hiện đánh giá ĐTM bởi các tổ chức khoa học trong và ngoài nước. Việc kiểm tra, giám sát sau thẩm định nhằm bắt buộc các chủ đầu tư thực hiện đầy đủ các cam kết nêu trong báo cáo ĐTM và các yêu cầu của quyết định phê chuẩn báo cáo ĐTM nhằm phòng ngừa, phát hiện và xử lý những hành vi vi phạm pháp luật về ĐTM đồng thời phát hiện ra những yếu kém, hạn chế trong quá trình thực hiện pháp luật về ĐTM để có biện pháp điều chỉnh kịp thời. Kiểm tra là hoạt động cần phải được tiến hành định kỳ để các cơ quan có thẩm quyền trong việc quản lý môi trường hoàn thiện những quy định pháp luật trong lĩnh vực môi trường, đồng thời tiến hành những biện pháp, cách thức quản lý nhà nước trong hoạt động ĐTM. Bên cạnh đó, cần quy định trách nhiệm cho Sở Tài nguyên và Môi trường giám sát việc thực hiện báo cáo ĐTM trong khi triển khai các cơ sở sản xuất, kinh doanh. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm phát hiện những vấn đề mới phát sinh, những giải pháp nêu trong báo cáo ĐTM đã không còn phù hợp với thực tế để yêu cầu các cơ sở sản xuất, kinh doanh điều chỉnh nội dung báo cáo ĐTM.

- Tiếp tục kiện toàn hệ thống các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, trong đó có các cán bộ quản lý nhà nước về công tác ĐTM. Nhà nước phải chuyển dần từ cơ chế quản lý mang tính cai trị sang cơ chế quản lý mang tính phục vụ trên cơ sở pháp luật. Thực hiện nguyên tắc “một việc chỉ giao cho một cơ quan chủ trì thực hiện” để khắc phục tình trạng nhiều cơ quan, tổ chức cùng chịu trách nhiệm về một việc. Tăng cường và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về môi trường, chủ yếu thông qua việc đầu tư thích đáng các nguồn

lực, trong đó có nguồn lực con người và nguồn lực vật chất và công nghệ. Hình thành và kiện toàn đồng bộ các thiết chế bảo vệ môi trường trên các lĩnh vực; đào tạo đội ngũ cán bộ chuyên môn và quản lý môi trường tinh thông nghiệp vụ, có tư duy mở để có thể tiếp cận và ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ tiên tiến, bao gồm cả khoa học quản lý, vào lĩnh vực môi trường trong quá trình hội nhập quốc tế. Đặc biệt đội ngũ quản lý về môi trường nói chung và quản lý về ĐTM nói riêng phải là những người có trách nhiệm cao, biết đặt lợi ích của quốc gia, của Nhân dân lên trên lợi ích cá nhân. Bởi lẽ, môi trường là vấn đề liên quan đến sự tồn tại, phát triển không chỉ riêng cá nhân hay khu vực, địa phương nào mà còn liên quan đến vận mệnh quốc gia, sự phát triển nòi giống và các thế hệ tương lai.

Bên cạnh đó, định kỳ tổ chức tập huấn kỹ năng thẩm định, kỹ năng kiểm tra, giám sát thực hiện báo cáo ĐTM, cung cấp những thông tin, kiến thức mới về môi trường cũng như cập nhật các văn bản pháp luật liên quan tới hoạt động ĐTM. Việc này sẽ góp phần nâng cao hiệu quả bảo vệ môi trường, kịp thời phát hiện những sai phạm trong quá trình thực hiện của các chủ đầu tư để ngăn chặn, hạn chế nguy cơ xảy ra sự cố môi trường

- Không nên phân cấp để UBND cấp xã xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường như quy định tại Nghị định 18/2014/NĐ – CP của chính phủ quy định về ĐTM, bởi lẽ muốn xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường, dù đối với hộ kinh doanh cá thể cũng đòi hỏi cơ quan phê duyệt phải có cán bộ được đào tạo về môi trường để tham mưu thực hiện.

- Đề nghị bổ sung các chế tài vào Nghị định xử lý vi phạm hành chính trên lĩnh vực bảo vệ môi trường đối với các chủ thể thực hiện tư vấn lập, thẩm định, phê duyệt ĐTM nếu vi phạm các qui định để ràng buộc, nâng cao trách nhiệm đối với các chủ thể này. Bên cạnh đó, thiết nghĩ nên nâng mức chi phụ cấp từ kinh phí sự nghiệp môi trường đối với những người tham gia hội đồng thẩm định, phê duyệt ĐTM để tạo điều kiện cho họ hoàn thành tốt công việc vì có những hồ sơ ĐTM hàng trăm trang, thời gian để đầu tư nghiên cứu, thảo luận, phản biện, góp ý xây dựng rất áp lực.

- Không nên phân cấp cho Ban quản lý các Khu công nghiệp, Ban quản lý khu kinh tế, khu chế xuất thẩm quyền thẩm định, phê duyệt ĐTM. Vì, thực tế biên chế cán bộ làm công tác môi trường của các đơn vị này còn mỏng, thiếu kinh nghiệm, đòi hỏi phải am hiểu nhiều kiến thức khoa học trên nhiều lĩnh vực. Ngoài ra, chức năng của các đơn vị này là thu hút, cấp giấy chứng nhận đầu tư các dự án vào Khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao cho nên không đảm bảo khách quan trong quá trình phê duyệt.

- Đề nghị các cơ quan thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường thường xuyên có kế hoạch thanh tra, kiểm tra hoạt động của các đơn vị thực hiện dịch vụ tư vấn lập các thủ tục về đánh giá môi trường để kịp thời phát hiện, chấn chỉnh các vi phạm.

### *3.2.1.2. Hoàn thiện các qui định pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường*

- Phải xây dựng được tiêu chí về môi trường làm cơ sở lựa chọn, sàng lọc loại hình sản xuất và công nghệ sản xuất trong thu hút, phê duyệt các dự án đầu tư; nghiên cứu, đề xuất Danh mục các ngành công nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao để có biện pháp phòng ngừa, không cho phép hoặc ngưng triển khai dự án, cơ sở sản xuất công nghiệp nếu không có biện pháp phòng ngừa ô nhiễm ứng phó với sự cố môi trường hiệu quả, làm cơ sở xem xét, định hướng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài.

- Xây dựng, ban hành, thực hiện quy trình tiếp nhận, xác minh, xử lý và phản hồi thông tin phản ánh, kiến nghị của tổ chức và cá nhân về ô nhiễm môi trường qua phản ánh của người dân.

- Phải phân loại những loại CTNH nào có khả năng thu hồi, tái chế, tái sử dụng trong điều kiện thực tế cũng như công nghệ của Việt Nam để ban hành qui chế quản lý riêng biệt, tạo thuận lợi trong hoạt động thu gom, hạn chế phát sinh chất thải. Ví dụ: theo qui định thì “nhớt thải” là CTNH, nếu vi phạm các qui định về quản lý CTNH thì mức phạt rất cao, trong khi đó thực tế ở Việt Nam người dân có truyền thống thường thay nhớt tại các điểm sửa xe máy, các cơ sở này thường gom lại rồi bán cho những người đi thu gom để bán lại cho những chủ thể có nhu cầu sử dụng lại như: bôi trơn khuôn đúc, nhà máy sản xuất sơn, đốt lò...vô hình chung đã tạo ra một hệ thống thu gom khép kín rất tích cực, góp phần giảm thiểu phát thải ra môi trường. Nếu chúng ta ràng buộc bằng một hệ thống pháp luật về quản lý CTNH quá chặt chẽ như hiện nay đối với loại chất thải này như hiện nay thì xem ra tự chúng ta đã tự mình làm giảm năng lực tự có trong việc kiểm soát ô nhiễm.

- Nguồn thải CTNH tuy đã được hướng dẫn đăng ký chủ nguồn thải CTNH, nhưng hầu hết các cơ sở thực hiện việc kê khai, đăng ký chủ nguồn thải CTNH sau khi các cơ quan chức năng tiến hành thanh, kiểm tra. Tính tự giác của các doanh nghiệp trong việc tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý CTNH chưa cao. Đồng thời trên thực tế việc giao cho các chủ phát sinh CTNH tự kê khai là không đảm bảo khách quan, chính xác, ngay cả khi các cơ quan chức năng kiểm tra cũng khó chứng minh được lượng CTNH phát thải là bao nhiêu, trừ một số dòng thải đã tính được định mức. Vì vậy, cần triển khai xây dựng hoàn thiện các văn bản hướng dẫn quản lý CTNH với nội dung chặt chẽ, hiệu quả; tăng cường công tác thanh, kiểm tra, giám sát hoạt động quản lý CTNH; nâng cao chất lượng thẩm định hồ sơ cấp sổ chủ nguồn thải CTNH.

### *3.2.1.3. Hoàn thiện các qui định pháp luật về bảo tồn đa dạng sinh học và bảo vệ các nguồn tài nguyên thiên nhiên*

- Khuyến khích việc xây dựng Hương ước, Quy ước trong việc thi hành pháp luật về bảo tồn đa dạng sinh học và bảo vệ các nguồn tài nguyên thiên nhiên, trong đó cụ thể hóa các quy định của pháp luật để phù hợp với điều kiện của địa phương, tiến tới xây dựng thành quy định bắt buộc đối với các cơ sở sản

xuất, kinh doanh, các hộ gia đình. Cùng với pháp luật, Hương ước góp phần vào giáo dục nâng cao ý thức pháp luật cho nông dân. Hương ước, quy ước được xây dựng và thực hiện theo Thông tư liên tịch số 03/2000/TTLT-BTP-BVHTT-BTTUBTUMTTQVN ngày 31/3/2000 của Liên Bộ Tư pháp, Bộ Văn hóa Thông tin, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam về ‘hướng dẫn việc xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của làng, bản, thôn ấp, cụm dân cư’, trong đó có nội dung thi hành pháp luật về bảo tồn đa dạng sinh học và bảo vệ các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Đưa nội dung này vào trong các Hương ước của làng sẽ là một giải pháp phát huy hiệu quả tích cực.

Đề nghị Bộ tài nguyên và môi trường cần xây dựng chiến lược quản lý và khai thác khoáng sản một cách tổng thể, toàn diện; phải đánh giá đầy đủ, khách quan thực trạng khai thác, chế biến khoáng sản, đặc biệt là hiệu quả kinh tế thu được và những tổn hại đến tài nguyên môi trường. Chấn chỉnh công tác cấp phép. Hạn chế tối đa việc cấp phép khai thác tài nguyên dưới dạng thô, tăng cường chế biến sâu, dự trữ tài nguyên khoáng sản.

Tăng cường vai trò của chính quyền các cấp trong công tác bảo vệ môi trường, quản lý tài nguyên khoáng sản tại địa phương. Chính quyền địa phương có các điểm, mỏ khoáng sản cần đẩy mạnh công tác nắm tình hình, kiểm tra để kịp thời phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm Luật bảo vệ môi trường và Luật khoáng sản. Nếu địa phương nào để xảy ra thất thoát tài nguyên phải truy trách nhiệm cho người đứng đầu các cấp.

Kiến nghị tăng thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính cho lực lượng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường trong Nghị định xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản để thống nhất giữa hoạt động phòng ngừa và xử lý vi phạm.

Đề xuất các cơ quan có thẩm quyền bổ sung vào nghị định phần thủ tục cấp phép tài nguyên đất làm vật liệu san lấp mặt bằng xây dựng, cần phải được đơn giản hoá thủ tục cấp phép (như không phải thăm dò, phê duyệt trữ lượng; không cần Giấy chứng nhận đầu tư; về môi trường chỉ cần kế hoạch bảo vệ môi trường...). Hoặc khoáng sản phát sinh dư thừa từ hoạt động đào hồ, ao nuôi thủy sản nêu có xác nhận của chính quyền cấp xã thì cho phép vận chuyển làm vật liệu san lấp (mặc dù hiện nay vẫn có tình trạng, giả vờ sử dụng mục đích đào hồ, ao để khai thác vật liệu san lấp trái phép)

Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường nghiên cứu cho phép các doanh nghiệp có thể sử dụng công suất năm trước không khai thác hết sẽ khai thác trong các năm kế tiếp với công suất lớn hơn nhưng nằm trong trữ lượng và thời gian cho phép khai thác.

*3.2.1.4. Hoàn thiện các qui định của pháp luật về xử lý vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường*

Pháp luật về xử lý vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường nằm trong tổng thể hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường chuyên ngành nói riêng và cả hệ thống

pháp luật nói chung. Mặc dù, trong thời gian gần đây các cơ quan có thẩm quyền đã không ngừng nỗ lực rà soát, ban hành kịp thời nhiều văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường trong đó có chế định xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, nhận thấy trong các chế định xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường hiện nay vẫn chưa được hoàn thiện, thống nhất, trong một số qui định còn nhiều ý kiến tranh luận khác nhau vì thế khi ban hành văn bản qui phạm pháp luật cần đảm bảo các yếu tố: tính ổn định của pháp luật; đảm bảo tính chuẩn mực; tính nhất quán, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể phải ngang nhau; đảm bảo dễ hiểu, dễ vận dụng thực thi. Qua thực tiễn, đề nghị sửa đổi cho phù hợp như sau:

Quy định cụ thể về khái niệm vi phạm hành chính nhiều lần, tái phạm tại điểm b khoản 1 Điều 10 Luật xử lý vi phạm hành chính là hành vi vi phạm xảy ra ở nhiều thời điểm khác nhau, chưa bị phát hiện đến khi bị bắt quả tang phát hiện ra hành vi vi phạm thì sẽ xử phạt 1 lần và áp dụng tình tiết tăng nặng

Ban hành quy định pháp luật hướng dẫn cụ thể về trị giá hàng hóa vi phạm đến mức nào thì được coi là “lớn” để áp dụng tình tiết tăng nặng Vi phạm hành chính có quy mô lớn, số lượng hoặc trị giá hàng hóa lớn theo đó

Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền ban hành hướng dẫn cụ thể về trình tự, thủ tục thực hiện việc bổ sung, hủy bỏ, ban hành quyết định mới để bảo đảm tính chặt chẽ và chính xác

Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền ban hành quy định trình tự, thủ tục quyết định việc miễn, giảm tiền phạt

Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền ban hành quy định rõ loại vụ việc nào được coi là phức tạp để có thể áp dụng quy định về gia hạn thời gian xác minh, thu thập chứng cứ. Tiêu chí nhận diện được thể hiện ở tính chất của vụ việc. Theo quan điểm của thạc sĩ Trần Văn Duy thì vụ việc phức tạp là vụ việc do còn có các ý kiến khác nhau giữa các ngành, các cấp, chính quyền địa phương; vụ việc chưa giải quyết được do cần phải xin ý kiến chỉ đạo nghiệp vụ của cấp trên; vụ việc liên quan đến nhiều vụ việc khác nhau... Tác giả cũng đồng tình với quan điểm này và cho rằng các nhà làm luật cần nghiên cứu các vụ việc trước đó với đặc điểm thời gian giải quyết kéo dài để kết luận được tính chất của vụ việc thế nào được coi là phức tạp.

Bổ sung cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường trong nghị định 155/2016/NĐ-CP trong đó có cơ quan chuyên môn tuyến cơ sở như Chi Cục An toàn thực phẩm

Ban hành văn bản hướng dẫn về quy chế phối hợp, sự phân công trách nhiệm, thẩm quyền cụ thể giữa các cơ quan có thẩm quyền về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường nhằm giúp cho công tác quản lý môi trường đạt hiệu quả

Ban hành quy định xác định đích danh cụ thể cơ quan nhà nước, tổ chức về tài nguyên và môi trường nào có nghĩa vụ khởi kiện đòi bồi thường thiệt hại đối với môi trường tự nhiên.

### **3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường trong các cơ sở sản xuất, kinh doanh tại tỉnh Quảng Bình**

#### **3.3.1. Giải pháp về cơ cấu tổ chức quản lý môi trường, nguồn lực con người, tăng cường sự tham gia của cộng đồng BVMT**

Tuyên truyền, giáo dục để nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật về xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường đối với người dân và các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn Quảng Bình

Việc tuyên truyền, giáo dục hướng tới hai đối tượng là người dân và các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn Quảng Bình. Vị trí, vai trò trong xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường đối với người dân và các cơ sở sản xuất, kinh doanh của hai chủ thể này là khác nhau nên nội dung, hình thức tuyên truyền, giáo dục khác nhau. Đối với người dân, nội dung chính cần tuyên truyền là quyền và nghĩa vụ của họ trong bảo vệ môi trường nói chung; trong trường hợp có vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo, người dân cần thực hiện các hành vi hợp pháp gì để bảo vệ môi trường, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Đối với và các cơ sở sản xuất, kinh doanh, việc tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức sẽ có tác dụng theo hai hướng:

Thứ nhất, khi biết được các chế tài nghiêm khắc áp dụng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, họ thường có thái độ cẩn trọng hơn khi khai thác, sử dụng các yếu tố của môi trường để tránh rơi vào trường hợp vi phạm.

Thứ hai, khi đã có hành vi vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, họ sẽ tuân thủ nghiêm chỉnh các quyết định xử lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, khắc phục những hậu quả đã gây ra cho môi trường. Nội dung tuyên truyền đối với và các cơ sở sản xuất, kinh doanh nên chú trọng tới các hành vi bị coi là vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, hình thức xử lý, biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền xử lý...

Hình thức tuyên truyền, giáo dục rất đa dạng như: Đưa vào chương trình học tại các cơ sở giáo dục - đào tạo, phổ biến trên Đài Truyền hình, Truyền thanh của Trung ương và địa phương, thành lập các website, tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, treo các băng rôn, áp phích với các khẩu hiệu tuân thủ nghiêm chỉnh pháp luật xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường...

Tập huấn chuyên sâu để nâng cao trình độ chuyên môn, bồi dưỡng đạo đức cho chủ thể có thẩm quyền xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường đối với và các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn Quảng Bình

Cơ quan nhà nước có chủ thể được trao thẩm quyền xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường là đơn vị chủ trì việc thực hiện hoạt động tập huấn chuyên sâu về chuyên môn và bồi dưỡng đạo đức cho cán bộ. Thông thường, trên thực tế, chủ thể có vai trò quan trọng nhất trong việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường là Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, cơ quan công an, thanh tra chuyên ngành bảo vệ môi trường. Vì thế, cơ quan

tiến hành tập huấn cán bộ nên là Ủy ban nhân dân các cấp, cơ quan công an, cơ quan thanh tra chuyên ngành bảo vệ môi trường. Nội dung cơ bản nhất cần phải tập huấn là các quy định về những hành vi bị coi là vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường; các biện pháp xử lý, biện pháp khắc phục hậu quả, biện pháp xử phạt vi phạm khác áp dụng đối với từng hành vi vi phạm, từng chủ thể; giới hạn thẩm quyền của mỗi chủ thể; trình tự, thủ tục trong kiểm tra, lập biên bản, chuẩn bị các hồ sơ liên quan đến việc ra quyết định xử phạt nhằm bảo đảm các vụ việc vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường được xử lý đúng quy định của pháp luật.

Trong nhiều trường hợp cán bộ có thẩm quyền xử lý buông lỏng quản lý, để mặc cho chủ thể vi phạm, gây tổn hại cho môi trường. Có trường hợp khác, cơ quan có thẩm quyền đã nhận lợi ích vật chất của chủ thể vi phạm và bao che cho hành vi sai phạm của chủ thể đó. Vì thế, bên cạnh việc tập huấn chuyên sâu về trình độ chuyên môn, còn phải bồi dưỡng về đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ có thẩm quyền xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Có thể gắn thi đua, khen thưởng đối với cán bộ công chức, viên chức vào vấn đề này. Việc gắn thi đua khen thưởng phải tuân thủ quy định của pháp luật và nên được thể chế hóa thành nội quy, quy chế của mỗi cơ quan.

- Tăng cường vai trò của công cụ thông tin. Công khai việc thực hiện pháp luật xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Nội dung của việc công khai thông tin là biểu dương những doanh nghiệp thực hiện tốt, phê bình những doanh nghiệp thực hiện chưa tốt, có hành vi sai phạm. Hình thức của việc công khai thông tin khá đa dạng như báo, đài, trang điện tử, bảng tin... Mục đích của việc công khai thông tin nhằm tạo sức ép đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn Quảng Bình thực hiện chưa nghiêm chỉnh và khuyến khích những chủ thể thực hiện tốt pháp luật xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

### ***3.3.2. Giải pháp về mặt chính sách, thể chế, luật pháp liên quan lĩnh vực BVMT***

- Xây dựng các văn bản về BVMT phù hợp với tình hình phát triển của tỉnh và định hướng đến 2025. Lồng ghép các yêu cầu BVMT vào các chiến lược quy hoạch kế hoạch phát triển các ngành ở địa phương.

- Tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về BVMT của các sở ban ngành liên quan và các địa phương. Nâng cao tính chủ động sáng tạo của các tổ chức chính trị xã hội và đoàn thể trong việc tham gia giám sát các hoạt động BVMT. Thúc đẩy việc xã hội hóa công tác BVMT.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác thẩm định báo cáo ĐTM. Tăng cường công tác giám sát sau khi ĐTM đã được phê duyệt.

- Xây dựng quy chế BVMT trong các khu công nghiệp, khu du lịch và khu kinh tế - thương mại.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, công khai thông tin thực hiện các quy định của pháp luật về xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn Quảng Bình.

Cơ quan có thẩm quyền thanh tra cần tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện luật xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường đối với với các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn Quảng Bình. Chúng ta cần lưu ý ở đây, chức năng thanh tra việc thực hiện pháp luật xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường khác với thanh tra việc tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường. Thanh tra, kiểm tra việc tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường nhằm ngăn ngừa, phát hiện những hành vi gây tổn hại cho môi trường. Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường nhằm đảm bảo cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý kịp thời, đúng người, đúng hành vi vi phạm, đúng mức và đảm bảo chủ thể bị xử phạt tuân thủ nghiêm chỉnh các quyết định xử phạt. Bên cạnh đó cơ quan có trách nhiệm cần phải xử lý nghiêm chỉnh những chủ thể vi phạm việc thực hiện pháp luật xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường để răn đe, giáo dục chính chủ thể đó và chủ thể khác. Cơ quan thanh tra, kiểm tra và cơ quan xử phạt vi phạm nêu làm tốt nhiệm vụ của mình sẽ đảm bảo việc thực hiện pháp luật xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường hiệu quả.

### ***3.3.3. Giải pháp về mặt tài chính, đầu tư cho BVMT***

- Dành ít nhất 1,5% tổng chi cho ngân sách, dự kiến hàng năm tăng dần tổng chi ngân sách cho hoạt động BVMT so với năm trước;
- Các doanh nghiệp được tính vốn đầu tư BVMT trong giá thành chi phí sản xuất để huy động khoảng 1 - 2% tổng chi phí của doanh nghiệp;
- Đa dạng hóa đầu tư BVMT, thực hiện các cơ chế, chính sách, biện pháp cụ thể để khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư BVMT;
- Tăng cường nguồn vốn đầu tư cơ sở hạ tầng về xử lý môi trường cho, đặc biệt phát huy hiệu quả hệ thống xử lý nước thải đô thị, xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung của các khu công nghiệp, cụm công nghiệp;
- Thành lập Quỹ BVMT tỉnh nhằm huy động, thu hút nguồn lực để hỗ trợ kịp thời cho các hoạt động BVMT.

### ***3.3.4. Vấn đề tăng cường các hoạt động giám sát chất lượng, quan trắc và cảnh báo ô nhiễm môi trường***

Xây dựng Quy hoạch mạng lưới quan trắc môi trường đến 2025; Tổ chức thực hiện tốt công tác quan trắc, đánh giá chất lượng môi trường hàng năm. Đầu tư kinh phí nâng cao năng lực thiết bị cho Trung tâm quan trắc và Kỹ thuật môi trường theo quy hoạch đã phê duyệt. Tăng cường công tác thu phí về BVMT đối với nước thải công nghiệp, công tác ký quỹ về BVMT, quỹ phục hồi tài nguyên và hiện trạng môi trường đối với các cơ sở khai thác khoáng sản. Tiếp tục bổ sung, cập nhật danh sách các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng để có biện pháp chế tài theo đúng quy định hiện hành.

### ***3.3.5. Các giải pháp về quy hoạch phát triển***

Quy hoạch, quản lý, khai thác và sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên (đất, nước, khoáng sản, rừng, biển...) đáp ứng nhu cầu tăng trưởng kinh tế, xóa đói giảm nghèo và phát triển bền vững của tỉnh. Chủ động gắn kết



và có chế tài bắt buộc lồng ghép yêu cầu BVMT trong việc lập quy hoạch, kế hoạch, chương trình và dự án phát triển kinh tế-xã hội, coi yêu cầu về BVMT là một tiêu chí quan trọng trong đánh giá phát triển bền vững. Mỗi ngành cần có quy hoạch chi tiết, các dự án cụ thể để đưa vào kế hoạch thực hiện. Các kế hoạch đề ra phải có tính khả thi, công khai cho mọi tầng lớp nhân dân được biết và các cơ quan chức năng thực hiện việc giám sát. Tiến hành Đánh giá tác động môi trường chiến lược cho các quy hoạch phát triển kinh tế theo quy định của pháp luật. Xây dựng Quy hoạch BVMT của tỉnh giai đoạn 2016-2020.

Rà soát, điều chỉnh quy hoạch cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung tại các đô thị, khu dân cư tập trung của tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi trong việc quản lý, bảo vệ sinh môi trường, an toàn vệ sinh thực phẩm.

### **3.3.6. Các giải pháp về công nghệ và kỹ thuật**

\* Đối với công tác bảo vệ môi trường đô thị

- Ưu tiên đầu tư xây dựng hệ thống thu gom nước thải tại thị trấn, thị tứ để xử lý nước thải sinh hoạt của đô thị. Xây dựng các khu xử lý chất thải tập trung đảm bảo thu gom và xử lý toàn bộ rác thải y tế, rác thải sinh hoạt bằng các phương pháp thích hợp; loại bỏ tình trạng đổ rác thải và xả nước thải chưa qua xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường vào các kênh mương, sông, hồ biển và các khu công cộng.

- Thiết bị, phương tiện thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt tại các đô thị được tăng cường đáp ứng khả năng tiếp nhận chất thải từ các hộ gia đình trong các đô thị, khu dân cư.

\* Bảo vệ môi trường nông thôn, miền núi

Tăng cường các biện pháp đồng bộ phát triển kinh tế - xã hội gắn với các hoạt động xóa đói, giảm nghèo, bảo vệ môi trường nông thôn.

Đẩy mạnh chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, đặc biệt tỉnh đã quan tâm đầu tư các công trình cấp nước cho những vùng còn bãi, vùng bị nhiễm mặn, nhiễm phèn, vùng khó khăn khan hiếm nước.

### **3.3.7. Các giải pháp về tăng cường sự tham gia của cộng đồng BVMT**

Cơ quan quản lý nhà nước về môi trường các cấp tiếp tục chú trọng phổ biến và hướng dẫn các biện pháp quản lý, thu gom, xử lý chất thải hợp vệ sinh, các mô hình nhà vệ sinh với chi phí thấp, đảm bảo ít gây ô nhiễm.

Phát động phong trào toàn tỉnh tham gia BVMT, duy trì và phát triển các phong trào hiện có. Xây dựng tiêu chí khen thưởng về môi trường hàng năm cho các tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác BVMT. Phát huy tối đa hiệu quả các phương tiện thông tin đại chúng trong việc nâng cao nhận thức về BVMT của toàn xã hội; cổ động liên tục cho các phong trào toàn dân BVMT, nêu gương điển hình trong việc BVMT.

Mở rộng quan hệ đối ngoại trong BVMT dưới hình thức thiết lập các chương trình, dự án đa phương và song phương. Đẩy mạnh hợp tác với các tổ chức quốc tế, các tổ chức chính phủ, phi chính phủ... nhằm tranh thủ sự hỗ trợ cho công tác BVMT

## KẾT LUẬN

Như chúng ta đã biết, các cơ sở sản xuất, kinh doanh đã góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế của đất nước, giải quyết việc làm, chương trình an sinh xã hội, ... Đặc biệt trong thời buổi hiện nay thì chúng ta là thành viên của tổ chức thương mại thế giới WTO thì quá trình đầu tư của nước ngoài sẽ ồ ạt vào nước ta khi đó sẽ xuất hiện nhiều khu công nghiệp, khu chế xuất thì vấn đề phát triển kinh tế, an sinh xã hội ngày càng tăng cao, bên cạnh đó các cơ sở sẽ sản sinh một khối lượng chất thải khổng lồ. Vì thế đòi hỏi chúng ta phải có chính sách bảo vệ môi trường thật hoàn thiện, nếu chúng ta có chính sách bảo vệ môi trường hoàn thiện thì phát triển kinh tế mới bền vững, cuộc sống của người dân mới không bị đe dọa, mặc khác sẽ thu hút được nhiều khách du lịch và nhà đầu tư đến nước ta hơn nữa... Và ngược lại nếu chính sách bảo vệ môi trường nước ta không tốt thì vài năm nữa chúng ta phải trả giá là môi trường ô nhiễm, đặc biệt là ở các khu công nghiệp, khu chế xuất, nhà hàng, khách sạn, khu vui chơi, khu giải trí, bệnh viện... thì ảnh hưởng sẽ khó lường trước cho sức khỏe và sự tồn vong của nhân loại.

Quảng Bình là địa phương nằm ở khu vực miền Trung, là khu vực khá quan trọng về phát triển kinh tế - xã hội của vùng, chứa đựng nhiều tiềm năng về đa dạng sinh học và sự phong phú của các nguồn tài nguyên thiên nhiên, với cơ cấu phát triển theo hướng du lịch, công nghiệp, dịch vụ, nông nghiệp cũng không tránh khỏi những thách thức trong công tác bảo vệ môi trường, thường xuyên phải đối mặt với thiên tai, bão lụt triền miên, nên chính quyền và nhân dân Quảng Bình rất thấm thía với những tổn thất mất mát phải gánh chịu, nên hết sức quan tâm, chú trọng công tác bảo vệ môi trường. Vì vậy, trong thời gian vừa qua, tỉnh Quảng Bình đã triển khai nhiều biện pháp đồng bộ để bảo vệ môi trường tại địa phương, trong đó bảo vệ môi trường bằng pháp luật được chú trọng. Căn cứ các qui định của pháp luật, địa phương đã ban hành nhiều văn bản pháp luật làm cơ sở pháp lý thống nhất cho các hoạt động bảo vệ môi trường, các hoạt động đánh giá tác động môi trường, kiểm soát ô nhiễm, bảo tồn đa dạng sinh học và bảo vệ các nguồn tài nguyên thiên nhiên; công tác xử lý vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường được các chủ thể pháp luật thực hiện tương đối đảm bảo, nhiều vụ việc vi phạm pháp luật được phát hiện, ngăn chặn, xử lý kịp thời, không để xảy ra điểm nóng ô nhiễm kéo dài gây bức xúc trong nhân dân.

Tuy nhiên, quá trình thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Bình vẫn chưa toàn diện, còn bộc lộ nhiều tồn tại trong công tác triển khai do quy định của các văn bản luật bảo vệ môi trường chưa hoàn thiện, do ý thức, năng lực của các chủ thể thực thi pháp luật bảo vệ môi trường tại địa phương... Chính vì vậy, cần có những giải pháp để dần hoàn thiện, nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật bảo vệ môi trường ở tỉnh Quảng Bình.

Huy động sức mạnh cả hệ thống chính trị để tăng cường, đẩy mạnh công

tác giáo dục, phổ biến pháp luật nói chung và pháp luật bảo vệ môi trường nói riêng đến đông đảo quần chúng nhân dân trên địa bàn tỉnh; trong các hoạch định chính sách về phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn phải nhất quán có quy hoạch, kế hoạch bảo vệ môi trường

Hoàn thiện pháp luật bảo vệ môi trường theo hướng đồng bộ, xét đến yếu tố địa phương, vùng miền để phù hợp với thực tiễn sinh động của đời sống xã hội; các chế định phải dễ hiểu, dễ vận dụng thực hiện với đại đa số các chủ thể trong xã hội; các chế tài phải đảm bảo tính răn đe, tính trừng phạt nhưng mức độ phải phù hợp, thống nhất, đảm bảo công bằng giữa các cá nhân, tổ chức.

Có chế độ chính sách thỏa đáng để nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ của các cơ quan thực thi pháp luật bảo vệ môi trường trên địa bàn, có cơ chế phối hợp, thống nhất, tập trung của các cơ quan này để nâng cao hiệu quả, hiệu lực đấu tranh các hành vi vi phạm pháp luật môi trường, tránh chồng chéo... phần đầu đưa Quảng Bình là điểm sáng trong công tác bảo vệ môi trường và thực thi pháp luật bảo vệ môi trường trên cả nước.

Trong điều kiện kiến thức và khả năng nghiên cứu còn hạn chế, với dung lượng cho phép của một Luận văn Thạc sĩ, đề tài nghiên cứu có tính chuyên sâu, cho nên, một số nội dung nghiên cứu đã đặt ra trong Luận văn nhưng chưa được giải quyết triệt để sẽ trở thành ý tưởng cho những công trình